

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 642/2026/DS-PT

Ngày: 15-7-2026

V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại
về sức khỏe

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạt

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thu Hương

Ông Lê Văn Phận

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xa Riêng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 302/2026/TLPT-DS ngày 11 tháng 5 năm 2026 về “Tranh chấp bồi thường thiệt hại về sức khỏe”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2026/DS-ST ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 14 – Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 551/2026/QĐXXPT-DS ngày 04 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 711/2026/QĐ-PT ngày 24 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị T, sinh năm 1979. Địa chỉ: khóm K, phường T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trầm Thị Thanh T1, sinh năm 1985. Địa chỉ: ấp B, xã S, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 04/5/2026). Địa chỉ liên hệ: khóm L, phường D, tỉnh Vĩnh Long. (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp C, xã L, tỉnh Vĩnh Long. Địa chỉ liên hệ: ấp K, phường T, tỉnh Vĩnh Long. (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị T2, là Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm;

** Theo đơn khởi kiện ngày 04/8/2025, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phan Thị T thể hiện:*

Do mâu thuẫn cá nhân, ngày 29/4/2025 giữa bà Phan Thị T và bà Nguyễn Thị T2 xảy ra xô xát. Trong quá trình xảy ra sự việc, bà T2 đã có hành vi tấn công, gây thương tích cho bà T tại vùng chân mày trên mắt phải, làm bà T phải nhập viện điều trị 13 ngày. Sau điều trị, bà T để lại sẹo vùng trán, chân mày, ảnh hưởng đến thẩm mỹ và giao tiếp hằng ngày. Bà T cho rằng hành vi của bà T2 đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của bà, gây thiệt hại về vật chất và tinh thần nên khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà T2 bồi thường các khoản gồm: Chi phí điều trị 13 ngày: 16.994.201 đồng; tiền xe đi lại: 4.600.000 đồng; tiền mất thu nhập và ăn uống trong thời gian nằm viện (13 ngày): 5.200.000 đồng; chi phí đi lại để làm thẩm mỹ vết thương: 10.000.000 đồng; tiền xóa sẹo, làm lại chân mày: 3.500.000 đồng; tiền bồi thường tổn thất tinh thần bằng 10 tháng lương cơ sở là 24.500.000 đồng. Tổng cộng số tiền yêu cầu bồi thường là 64.794.201 đồng.

** Tại buổi hòa giải ngày 09/01/2026 và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị T2 trình bày:*

Bà không đồng ý bồi thường theo yêu cầu khởi kiện của bà T. Bà T2 thừa nhận có hành vi tát và cắn vào mặt bà T trong lúc xảy ra xô xát. Tuy nhiên bà T2 cho rằng bà T cũng có lỗi trong sự việc này vì bà T thường xuyên xúc phạm danh dự và nhân phẩm của bà T2 bằng việc đăng ảnh và thông tin không đúng sự thật lên mạng xã hội Facebook. Do đó các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

** Tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể như sau: Tiền xe đi lại do cộng nhầm nên nay chỉ yêu cầu là 4.400.000 đồng; chi phí đi lại để làm thẩm mỹ vết thương là 10.000.000 đồng thay đổi thành khoản tiền điều trị sẹo là 5.000.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần vẫn giữ nguyên yêu cầu 10 tháng lương cơ sở với số tiền đúng theo quy định là 23.400.000 đồng.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Toàn bộ yêu cầu bồi thường của nguyên đơn bà Phan Thị T là không có căn cứ cả về pháp lý lẫn thực tế. Cụ thể, đối với chi phí điều trị và thu nhập bị mất, việc nguyên đơn điều trị tại Bệnh viện C là không hợp lý vì vết thương nhẹ, hoàn toàn có thể điều trị tại tuyến tỉnh; đồng thời không có giấy chuyển viện để chứng minh sự cần thiết. Hồ sơ bệnh án còn cho thấy khả năng tồn tại thêm tổn thương khác, không hoàn toàn do

bị đơn gây ra. Bên cạnh đó, yêu cầu bồi thường thu nhập 400.000 đồng/ngày là không có cơ sở, do công việc mang tính thời vụ và thu nhập thực tế thấp hơn, lại không có tài liệu chứng minh. Đối với các khoản chi phí đi lại và thăm mỹ, các chứng từ do nguyên đơn cung cấp đều không hợp lệ, thiếu thông tin, không được xác nhận và còn mâu thuẫn với lời khai, nên không đủ giá trị chứng minh theo quy định pháp luật. Mặt khác, yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần với mức 10 tháng lương cơ sở là không phù hợp với mức độ thương tật chỉ 7%, vốn không gây ảnh hưởng đáng kể đến sinh hoạt hay giao tiếp của nguyên đơn. Thực tế cho thấy nguyên đơn vẫn sinh hoạt, giao tiếp bình thường, không có biểu hiện bị ảnh hưởng tâm lý nghiêm trọng. Ngoài ra, khoản chi phí làm lại chân mày cũng không có cơ sở vì chưa được thực hiện trên thực tế. Từ những phân tích nêu trên, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân Khu vực 14 – Vĩnh Long đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2026/DS-ST ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 14 – Vĩnh Long đã tuyên:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 35, 39, 147 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

- Các Điều 584, 585 và 590 Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Nghị quyết số: 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của bộ luật dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị T2 phải bồi thường cho bà Phan Thị T số tiền 46.472.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí, thi hành bản án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14/4/2026, bị đơn bà Nguyễn Thị T2 kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày không đồng ý kháng

cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Xét thấy kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T2, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2026/DS-ST ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 14 – Vĩnh Long.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T2; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn bà Nguyễn Thị T2 kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T2, Hội đồng xét xử xét thấy:

2.1. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường các khoản gồm:

- Chi phí điều trị 13 ngày với số tiền là 16.994.201 đồng, qua xem xét các hóa đơn, chứng từ mà nguyên đơn giao nộp có cơ sở xác định số tiền 16.789.000 đồng là chi phí thực tế phát sinh để điều trị thương tích của bà T. Tiền xe đi lại là 4.400.000 đồng (gồm chuyến xe chở đi cấp cứu từ xã T H đến Bệnh viện Đ; chuyến xe từ Bệnh viện Đ đến Bệnh viện C và chuyến về từ Bệnh viện C về huyện C), xét thấy các yêu cầu này phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 02/2022 ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên được chấp nhận.

- Tiền mất thu nhập: bà T cho rằng làm thuê theo ngày, công việc không ổn định, mỗi ngày khoảng 250.000 đồng, nhưng không chứng minh được mức thu nhập thực tế. Tuy nhiên, theo ý kiến của luật sư bảo vệ quyền lợi của bà T2 tại phiên tòa sơ thẩm thì thu nhập thực tế tại địa phương khoảng từ 170.000 đồng đến 200.000 đồng. Do đó có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu của bà T, buộc bà T2 bồi thường tiền mất thu nhập trong 13 ngày điều trị, mỗi ngày là 200.000 đồng, tương ứng với 2.600.000 đồng.

- Tiền ăn uống: Tiền ăn uống nêu trong đơn khởi kiện của nguyên đơn được xác định là “Chi phí bồi dưỡng sức khỏe” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 02/2022 ngày 06/9/2022 nên được chấp nhận 13 ngày lương tối thiểu vùng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Bệnh viện C thuộc vùng 1, lương tối thiểu là 4.960.000 đồng/tháng, nên mỗi ngày là 191.000 đồng (4.960.000 đồng/26 ngày). Buộc bà T2 phải bồi thường cho bà T 13 ngày x 191.000 đồng = 2.483.000 đồng.

- Tiền bồi thường chi phí làm lại chân mày 3.500.000 đồng và chi phí điều trị sẹo 5.000.000 đồng, căn cứ hóa đơn dịch vụ ngày 03/8/2025, biên bản xác minh ngày 01/4/2026 tại Thẩm mỹ viện T4 ở Khóm A, phường D, tỉnh Vĩnh Long và 05 phiếu thu tiền của Phòng khám bệnh ngoại bóng - Phẫu thuật tạo hình Dr.Phước T3, cùng với tình trạng thương tích trên vùng trán, chân mày của bà T (02 hình ảnh thực tế thương tích của bà T), có căn cứ để chấp nhận đây là khoản chi phí cần thiết nhằm khắc phục hậu quả do thương tích gây ra nên buộc bà T2 phải bồi thường cho bà T khoản tiền này là phù hợp.

- Đối với yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần: Thấy rằng vùng mặt là bộ phận có ý nghĩa đặc biệt về thẩm mỹ, nhân diện và giao tiếp xã hội. Việc bà T bị bà T2 cắn trên vùng mặt không chỉ phải chịu đau đớn thể xác mà còn để lại sẹo rõ trên vùng trán, chân mày, ảnh hưởng đến ngoại hình, tác động trực tiếp đến tâm lý, sự tự tin và sinh hoạt hằng ngày, nhất là đối với phụ nữ. Tổn thương này không phải là tổn thương kín đáo mà là thương tích lộ rõ, khó che giấu, gây mặc cảm, tự ti trong quan hệ xã hội. Theo quy định tại khoản 2 Điều 590 Bộ luật Dân sự, người bị xâm phạm sức khỏe được bồi thường một khoản tiền để bù đắp tổn thất về tinh thần, mức bồi thường do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì tối đa không quá 50 lần mức lương cơ sở. Với tính chất, mức độ của vụ việc, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần với mức 05 tháng lương cơ sở, tương ứng với số tiền 11.700.000 đồng.

Do đó, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn tổng số tiền là 46.472.000 đồng.

2.2. Về việc xác định lỗi trong vụ việc: Đối với ý kiến của bị đơn bà T2 cho rằng bà T cũng có lỗi vì bà T xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bà. Theo Điều 585 Bộ luật Dân sự quy định về nguyên tắc bồi thường thiệt hại thì “Khi bên bị thiệt hại có lỗi trong việc gây thiệt hại thì không được bồi thường phần thiệt hại do lỗi của mình gây ra”. Tuy nhiên, bà T2 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bà T. Mặt khác, bà T2 là người chủ động đi đến nhà tìm bà T, trong lúc cãi nhau vì bức xúc nên bà T2 đã tát bà T trước, sau đó tiếp tục cắn vào mặt bà T. Hành vi này là nguyên nhân trực tiếp

gây ra thiệt hại, thể hiện lỗi cố ý của bà T2. Do đó, có đủ cơ sở xác định bà T2 phải chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh như đã nêu ở trên.

2.3. Bà T2 có trình bày vì bà T liên tục xúc phạm bà trong thời gian dài nên đã ảnh hưởng rất nhiều đến cuộc sống, tinh thần và tình cảm vợ chồng của bà, do đó bà T2 có quyền khởi kiện một vụ kiện khác yêu cầu bà T bồi thường thiệt hại danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm theo quy định của pháp luật.

[3] Từ những phân tích trên, xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T2 cũng như những lời trình bày, tranh luận tại phiên tòa xét thấy yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở nên không được chấp nhận. Vì vậy, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị T2 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T2, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2026/DS-ST ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 14 – Vĩnh Long.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Áp dụng các Điều 584, 585 và 590 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Nghị quyết số: 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của bộ luật dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị T2 phải bồi thường cho bà Phan Thị T số tiền 46.472.000 (bốn mươi sáu triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T2 phải nộp 2.324.000 đồng.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị T2 phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0007010 ngày 14/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Bà T2 đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36, 72 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND Khu vực 14 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS Khu vực 14 – Vĩnh Long;
- Phòng GD,KT,TT&THA TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạt